

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ QUỲNH*
NGUYỄN TRỌNG CHUẨN**

Suốt nhiều thập kỷ, các nhà nghiên cứu coi phát triển bền vững là quá trình phát triển hài hòa giữa ba mặt: phát triển bền vững về kinh tế, phát triển bền vững về xã hội và bảo vệ, phát triển bền vững về môi trường. Nhiều ý kiến cho rằng, muốn phát triển bền vững đất nước thì còn cần phải chú trọng đến sự phát triển bền vững về văn hóa. Thiếu một trong 4 trụ cột thì không thể có sự phát triển bền vững mà chúng ta mong muốn.

Từ khóa: phát triển, phát triển bền vững, văn hóa

Nhận bài ngày: 08/6/2022; đưa vào biên tập: 11/6/2022; phản biện: 27/6/2022; duyệt đăng: 11/7/2022

1. Theo quan điểm duy vật biện chứng thì phát triển có 3 đặc trưng quan trọng là sự *biến đổi không thuận nghịch*, có tính hướng đích và có quy luật của tất cả các khách thể vật chất và tinh thần. Ba đặc trưng này quyết định khuynh hướng vận động đi lên không ngừng của khách thể, từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn, từ trạng thái kém hoàn thiện đến trạng thái ngày càng hoàn thiện hơn. Tầm quan trọng của sự vận động đi lên này chính là ở sự thay đổi về chất lượng. Đây cũng là điểm khác biệt căn bản của quan điểm duy vật biện chứng với quan điểm duy vật siêu hình, tức là quan điểm coi sự phát triển chỉ “như là giảm đi và tăng lên, như là lặp lại” (Lênin, 1980, tập 23: 53) thuần túy về

số lượng.

Với quan điểm duy vật biện chứng thì sự phát triển của bất cứ sự vật nào cũng đều phải diễn ra theo 3 quy luật cơ bản là quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại; quy luật về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập và quy luật phủ định của phủ định. Đặc biệt, trong lĩnh vực xã hội, với quy luật phủ định của phủ định thì việc kế thừa và bảo tồn những giá trị của quá khứ vừa là điều kiện, vừa là tiền đề không thể thiếu để thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai dùng làm vốn, làm điểm tựa để phát triển và vượt lên. Nếu những giá trị ấy bị xã hội xem nhẹ, không được sử dụng có hiệu quả hoặc là bị lãng quên, nhất là bị hủy hoại thì xã hội không thể có sự phát triển, nhất là phát triển bền vững,

* Trường Đại học Văn Lang.

** Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam.

khi đó, thậm chí còn phải bắt đầu lại tất cả mọi thứ.

Như vậy, trong phép biện chứng duy vật, khi nói đến sự phát triển trước hết là nói đến sự phát triển của các quá trình khách quan, vốn có trong bản thân các khách thể hiện thực vật chất và đều diễn ra một cách biện chứng. Nhưng để các khách thể có thể phát triển một cách bền vững thì cần phải có những điều kiện, những tiền đề đảm bảo nhất định không thể thiếu. Những điều kiện hay tiền đề đó trong xã hội, và phần nào đó trong giới tự nhiên, không hoàn toàn giống nhau, mặc dù ở đó đều có vai trò nhất định của con người. Trong xã hội động lực trực tiếp thúc đẩy sự vận động và sự phát triển của xã hội thì con người đóng vai trò quyết định. Trong khi đó sự vận động, sự biến đổi và sự phát triển của các quá trình trong tự nhiên tuân theo các quy luật riêng, vốn có. Song, trong một phạm vi nhất định, vai trò và sự tác động của con người, dù đôi khi chỉ có tính gián tiếp, nhưng sức mạnh và khả năng hoạt động biến đổi giới tự nhiên của con người cũng có thể có những tác động không nhỏ làm ảnh hưởng đến chất lượng và tính bền vững của cả giới tự nhiên lẫn của xã hội loài người. Đó là lý do vì sao bắt đầu từ nửa sau thế kỷ XX đến nay người nghiên cứu nói nhiều về sự phát triển bền vững.

2. Lần đầu tiên, từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và các nhà hoạt động chính trị theo những

lập trường và hệ tư tưởng khác nhau trên thế giới đã nêu ra quan niệm về sự phát triển bền vững (Sustainable development). Sở dĩ có quan niệm này là do có cơ sở về sự ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sống của con người và sự suy thoái nặng nề của môi trường tự nhiên. Đặc biệt, sự cạn kiệt nhanh chóng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo phục vụ cho các ngành sản xuất khác nhau ngày càng hiển hiện. Việc con người chỉ nhằm đạt cho được các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà không mấy quan tâm đến những hệ lụy, những hậu quả ngày càng nặng nề về môi trường không chỉ đang dẫn đến nguy cơ khủng hoảng sinh thái toàn cầu, mà còn đang đe dọa sự tồn vong của chính con người. Về điều này, ngay từ năm 1868, C. Mác (1997, tập 32: 80) đã từng cảnh báo: “nếu canh tác được tiến hành một cách tự phát mà không được hướng dẫn một cách có ý thức... thì sẽ để lại sau nó đất hoang”. Đúng 8 năm sau, vào năm 1876, Ph. Ăngghen (1994, tập 20: 654, 655) cũng cảnh báo, rằng con người “với giới tự nhiên chỉ là một”, “con người bắt giới tự nhiên phải phục vụ những mục đích của mình, mà thống trị giới tự nhiên” nhưng con người “hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên”; “bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta... phá hủy tất cả những kết quả” mà

chúng ta đã đạt được trước đó. Đó là điều đã thôi thúc các nhà khoa học có lương tâm và các tổ chức quốc tế tìm cách để giảm thiểu và ngăn chặn sự tăng trưởng kinh tế đơn thuần, không tính đến sự cân bằng sinh thái nhằm đạt được sự phát triển bền vững.

Tuy nhiên, không phải ngay một lúc mọi người đã thống nhất với nhau về nội hàm của khái niệm *phát triển bền vững*. Chẳng hạn, năm 1980, Hiệp hội Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên chỉ đề cập đến sự bền vững về sinh thái và môi trường tự nhiên chứ chưa đề cập đến các mặt khác trong sự phát triển liên quan đến xã hội và con người. Sau đó, năm 1987 Hội đồng Thế giới về Môi trường và phát triển (WCED) của Liên hợp quốc trong báo cáo *Tương lai chung của chúng ta* (Our Common Future) cũng mới đưa ra một quan điểm còn khá chung chung rằng, “phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau” (trích theo Thủ tướng Chính phủ, 2004: 5).

Hội nghị Thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và nhất là *Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững* họp tại Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002, đã có những sự phát triển quan trọng so với các văn kiện quốc tế trước đó. Trong văn kiện chính thức của hội nghị Johannesburg đã coi phát triển bền vững là quá trình phát triển hài hòa

giữa *ba mặt* là phát triển bền vững về *kinh tế*, phát triển bền vững về *xã hội* và bảo vệ, phát triển bền vững về *môi trường*.

Trong ba mặt này, *sự phát triển kinh tế* không chỉ chú trọng đến tốc độ tăng trưởng cao, mà tốc độ đó phải thật sự ổn định trong một thời gian tương đối dài, đồng thời phải bảo đảm chất lượng tăng trưởng thể hiện ở *hiệu quả* và *sức cạnh tranh* của nền kinh tế.

Về mặt *phát triển xã hội* cần phải hướng trọng tâm vào sự tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo cơ hội việc làm, ổn định đời sống người dân ngăn chặn sự phân hóa quá mức để tránh dẫn đến tình trạng phân cực giàu nghèo gây nguy cơ bất ổn xã hội.

Về nhiệm vụ bảo vệ *môi trường*, cần chú trọng ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm, từng bước cải thiện chất lượng môi trường; đặc biệt phải khai thác một cách hợp lý nhất và tiết kiệm tối đa có thể các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo; bảo vệ diện tích rừng tự nhiên ít ỏi trên thế giới hiện còn sót lại, quyết liệt chống lại nạn chặt phá rừng và chống cháy rừng; bảo vệ khẩn cấp các nguồn gen quý hiếm và sự đa dạng sinh học, v.v.

Có thể nói, đây chính là các tiêu chí quan trọng bậc nhất đảm bảo cho việc phát triển bền vững được *Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững* đề ra.

Tuy nhiên, có một điều mà chúng tôi cho rằng, trong tất cả các văn kiện

chính thức quan trọng đó, *vai trò của văn hóa* trong phát triển bền vững chưa được ưu tiên chú ý, và thật sự vẫn còn khá mờ nhạt.

Ở Việt Nam, cũng như nhiều nước của thế giới, sau các *Hội nghị Thượng đỉnh*, Chính phủ đã hưởng ứng *Chương trình nghị sự 21* về phát triển bền vững, trong đó Chính phủ đưa ra cam kết thực hiện sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững thật sự đã trở thành đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Sau “*Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững giai đoạn 1991-2000*”, quan điểm về phát triển bền vững đã được khẳng định trong Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị và được khẳng định lại trong các văn kiện của Đại hội IX của Đảng và trong chiến lược kinh tế - xã hội 2001-2010: “Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 25). “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 163-164).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, ngày 17/8/2004 Chính phủ Việt Nam đã ban hành *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)*, trong đó đánh giá những thành tựu đã đạt được thời gian vừa qua,

những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, trên cơ sở đó đề ra những chủ trương, chính sách, công cụ pháp luật và những lĩnh vực hoạt động ưu tiên cần được thực hiện để phát triển bền vững trong thế kỷ XXI. Đây là một Chương trình được xây dựng công phu và khá toàn diện.

Sau khi *Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam* được ban hành đến nay chúng ta đã khá thành công trên một số mặt. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao và khá đều đặn cho đến khi xảy ra khủng hoảng tài chính thế giới từ cuối năm 2008. Từ đó cho đến nay công cuộc xóa đói giảm nghèo của nước ta đã đạt được kết quả tốt, tốc độ giảm nghèo khá nhanh, được thế giới đánh giá cao. Nhiều chỗ làm và việc làm cho người lao động đã được tạo ra, nền đời sống của các tầng lớp nhân dân ở nhiều vùng trong cả nước được cải thiện rõ rệt; xã hội ổn định; công bằng xã hội từng bước được thiết lập, được quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả tích cực; môi trường tự nhiên và môi trường sống của con người nhìn chung được bảo đảm.

Tất cả những thành tựu đạt được trong thời gian qua là cơ sở để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người Việt Nam. Bởi vì, mọi mục tiêu của sự phát triển đều là để phục vụ cho con người, đều vì con người. Phát triển bền vững trước hết phải đảm bảo phát triển bền vững con người với tư cách là chủ thể,

là nguồn lực của mọi nguồn lực, là động lực trong công cuộc phát triển đất nước. Đồng thời, tất cả những thành tựu đó cho phép chúng ta khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực và uy tín quốc tế như ngày nay” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 104).

3. Theo chúng tôi, bên cạnh 3 trụ cột là phát triển bền vững về *kinh tế*, phát triển bền vững về *xã hội* và bảo vệ, phát triển bền vững về *môi trường* thì còn một trụ cột thứ 4 là phát triển bền vững về *văn hóa*. Bởi vì, văn hóa chỉ có ở con người và loài người; văn hóa chính là “nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 47). Sự phát triển bền vững về kinh tế, sự phát triển bền vững về xã hội và sự phát triển bền vững về môi trường sẽ không thể nào bền vững nếu không xoay quanh cái trục phát triển bền vững về văn hóa.

Văn hóa phải thấm vào mọi mặt của đời sống xã hội và vào từng con người; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là *văn hóa chính trị*; vào kinh tế với tư cách là *văn hóa kinh doanh*, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước; văn hóa phải thấm vào tư duy của con người trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường sống của con người, v.v. Văn hóa và các giá trị văn hóa nói chung, các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc nói riêng, phải góp

phần đắc lực trong việc thôi thúc con người tự nhận thức về mình để từ đó tự nguyện và tự giác thực thi trách nhiệm và bổn phận của mình đối với xã hội một cách tốt nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động. Đó cũng chính là những bộ phận hợp thành nền tảng quan trọng của văn hóa đạo đức của con người trong xã hội.

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh điều hết sức quan trọng là phải “xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 114). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2022: 163) nhấn mạnh: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Thông thường khi nói đến phát triển bền vững trước đây người ta chỉ lưu tâm đến 3 trụ cột cơ bản là kinh tế, chính trị - xã hội và môi trường. Quan điểm này chưa hoàn toàn thống nhất, bởi vì sẽ chẳng có sự bền vững nào nếu xã hội thiếu sự bền vững về văn hóa, nếu văn hóa không thấm vào tất cả các mặt của đời sống xã hội, nếu văn hóa không trở thành động lực phát triển, không thành sức mạnh nội sinh. Việc các văn kiện của Đại hội XIII đặt ra yêu cầu phát triển bền vững về văn hóa ngang hàng với các mặt kinh tế, xã hội, môi trường là nét nổi bật và là sự bổ sung quan trọng rất cần được làm sâu sắc thêm (Nguyễn Trọng Chuẩn, 2013: 5; 2017: 25-31; 2019: 14-22).

Như chúng ta đều biết, tự thân văn hóa có những khả năng và chức năng

quan trọng như chức năng nhận thức; chức năng dự báo; chức năng giáo dục; chức năng thẩm mỹ; chức năng giải trí, chức năng kế tục các giá trị và phát triển các giá trị ấy trong các giai đoạn lịch sử kế tiếp... Đặc biệt, văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc hình thành các phẩm chất đạo đức, định hình nhân cách ở con người; trong việc nuôi dưỡng, làm bộc lộ tiềm năng và phát triển các khả năng của con người; trong việc góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển của xã hội; trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Như vậy, từ các chức năng ấy của mình, văn hóa có thể tác động đến nhiều mặt trong sự vận động và sự phát triển của xã hội, trước hết là các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục cho đến khoa học và công nghệ. Đồng thời, cao hơn hết thảy, văn hóa còn đóng vai trò khơi dậy và nâng cao ý thức của con người về việc bảo vệ cái nôi nuôi dưỡng sự sống của chính mình và của cả loài người.

Thứ hai, văn hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng là *định hướng* cho tất cả các cá nhân, nhất là cho thế hệ trẻ đang ở tuổi từng bước trưởng thành và cho toàn xã hội, hướng đến những giá trị cốt lõi *chân - thiện - mỹ* trong truyền thống nhân văn, nhân ái lâu đời của dân tộc, đồng thời nâng các giá trị ấy lên ngang tầm thời đại và phù hợp với những yêu cầu của thời đại.

Thứ ba, văn hóa có khả năng khơi dậy tính năng động, tự ý thức, khả

năng sáng tạo của con người trong xu hướng phát triển văn hóa nói chung, và chất lượng nguồn nhân lực nói riêng, theo hướng xây dựng con người có đầy đủ phẩm chất về lý tưởng sống, tư tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là nhân cách văn hóa và khát vọng vươn lên mạnh mẽ đủ để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, của công cuộc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và nhất là trong tương lai.

Thứ tư, văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn *chức năng điều tiết các mối quan hệ trong chính trị, quan hệ ngoại giao; các mối quan hệ của con người với môi trường tự nhiên; các mối quan hệ giữa con người với cộng đồng xã hội* cả ở trong nước và trên thế giới, đồng thời của mỗi con người với chính bản thân mình. Nói cách khác, chức năng điều tiết xã hội của văn hóa thể hiện ở việc tác động đến sự *điều chỉnh* và sự *tự điều chỉnh* từ nhận thức, hành vi đến mọi hoạt động của từng người, của các đảng phái chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và của các cộng đồng người nói chung trong xã hội.

Cho nên, một khi văn hóa xuống cấp, đạo đức xã hội suy thoái (chứ chưa nói đến suy đồi), thì cả xã hội lẫn giới tự nhiên đều chịu những hậu quả nặng nề, thậm chí rối loạn. Bởi vậy, văn hóa không chỉ có vai trò điều tiết sự vận động của xã hội, mà quan trọng hơn, văn hóa giống như một *thứ chất kích thích*, như một *động lực bên trong*, *động lực trực tiếp của sự phát*

triển bền vững về kinh tế, thúc đẩy sự phát triển bền vững xã hội, bảo vệ môi trường chứ không phải là nhân tố nằm ngoài sự phát triển, đặc biệt là sự bền vững về kinh tế và xã hội.

4. Từ những điều trình bày trên đây, có thể thấy rất cần xác định bộ tiêu chí để đảm bảo cho sự phát triển bền vững đất nước. Mặc dù việc xác định bộ tiêu chí đó về phương diện định lượng là không dễ dàng, khó chính xác tuyệt đối, song sơ bộ có thể xác định một số tiêu chí chủ yếu về định tính nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững ở nước ta hiện nay như sau:

- *Về kinh tế*: Nước ta bước vào thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với điểm xuất phát còn khá thấp, vì vậy cần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu lại nền kinh tế; giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 6,5 đến 7%; tương ứng với đó là tốc độ tăng năng suất lao động 6,5%/năm (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập II: 94-95). Muốn đạt được những chỉ tiêu này thì cần chuyển nhanh sang việc thực hiện chuyển đổi công nghệ số để tiến tới xây dựng xã hội số. Để thực hiện nhiệm vụ này, nước ta cần phải phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng đáng kể tỷ lệ lao động qua đào tạo; phải xây dựng và thực hiện chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài, thu hút nhân tài vào những lĩnh vực quan trọng; phải sớm khắc phục tình trạng “thiếu cơ chế, chính sách tuyển chọn và trọng dụng người tài”; “thiếu cơ chế, chính

sách khuyến khích và bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám đột phá; dám chịu trách nhiệm ở cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập II: 75). Đây cũng chính là một phần của khâu đột phá hết sức quan trọng nhưng còn yếu kém cần khắc phục trong công tác tổ chức, công tác cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại.

- *Về xã hội*: Muốn phát triển bền vững về xã hội, trước hết xã hội phải tạo được sự ổn định, tạo lập được sự đồng lòng, đồng thuận và khối đoàn kết toàn dân tộc thật sự vững mạnh; phải giảm nghèo bền vững; không được để cho tình trạng phân hóa giàu nghèo quá mức; ngăn ngừa sự phân cực giàu nghèo để tránh tình trạng có thể gây ra những bất ổn xã hội. Tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ này là củng cố, tăng cường sức mạnh của Đảng, giữ vững được niềm tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền của dân, do dân và vì dân; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là lãnh đạo cấp chiến lược, đầy đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo và cầm quyền. Luật pháp phải được triệt để tôn trọng và mọi người phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật, không ai được đứng ngoài và đứng trên pháp luật và không có ngoại lệ.

- *Về môi trường*: Xã hội và con người không thể tồn tại ở đâu khác ngoài tồn

tại trong tự nhiên, dựa vào tự nhiên. Bởi vậy, bảo vệ môi trường tự nhiên và cả môi trường xã hội chính là bảo vệ cuộc sống của chính con người; bảo vệ môi trường vừa là nhiệm vụ, vừa là nghĩa vụ, là bổn phận cũng vừa là trách nhiệm cao cả của mỗi người và của toàn thể cộng đồng nhân loại. Nhiều năm qua chúng ta khai thác tài nguyên thiên nhiên thiếu bền vững; hiệu quả quản lý, sử dụng chưa cao, nhất là sử dụng đất đai rất lãng phí, chưa theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước cần nghiêm trị những hành vi gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường; tuyệt đối không được vì tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà hy sinh môi trường; nghiêm cấm việc chặt phá số ít ôi diện tích rừng tự nhiên còn lại và hết sức cân nhắc việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp; song song đó sớm có giải pháp giảm thiểu tác hại của tình trạng nước biển dâng đối với những vùng trồng lúa và vùng trũng ngập nước ven biển.

- Về văn hóa: Nhà nước cần khai thác mọi tiềm năng, sức mạnh mềm của văn hóa, phát huy đồng bộ và tốt nhất các giá trị của văn hóa cả truyền thống và hiện đại, cả văn hóa vật thể và phi vật thể phục vụ cho sự nghiệp

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; cần đánh giá, hạch toán đầy đủ giá trị của các loại tài nguyên thiên nhiên, vốn tự nhiên, giá trị của các cảnh quan và hệ sinh thái không chỉ để phục vụ cho ngành du lịch, cho sự phát triển kinh tế mà còn cho cả sự phát triển bền vững đất nước nói chung. Mọi sự tăng trưởng và phát triển bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và con người, bền vững về môi trường suy cho đến cùng, nếu muốn đi thật xa, muốn ngày càng trở nên bền vững hơn thì đều phải nằm trong quỹ đạo của văn hóa, phải có văn hóa *dẫn đường*. Cho nên “tăng trưởng kinh tế [phải] đi liền với phát triển văn hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 89); phải “phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 214).

Tóm lại, Việt Nam muốn phát triển bền vững đất nước thì cần chú trọng cả bốn mặt, hay bốn trụ cột cơ bản, là bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường và bền vững về văn hóa, thiếu một trong 4 trụ cột đó thì không thể nào có sự phát triển bền vững mà chúng ta mong muốn. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – tập I, II*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.

3. Lênin, V.I. 1980. *Toàn tập* – tập 23. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1997. *Toàn tập* – tập 32. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1994. *Toàn tập* – tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
6. Nguyễn Phú Trọng. 2022. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
7. Nguyễn Trọng Chuẩn. 2013. “Văn hóa trong sự phát triển của đất nước”. *Tạp chí Phát triển Nhân lực*, Ủy ban Nhân dân TPHCM, số 3, tr. 5.
8. Nguyễn Trọng Chuẩn. 2017. “Phát triển, phát triển bền vững và vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam”. *Tạp chí Triết học*, số 3, tr. 25-31.
9. Nguyễn Trọng Chuẩn. 2019. “Vai trò của văn hóa trong sự phát triển xã hội và con người Việt Nam bền vững, sáng tạo và bao trùm hiện nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 2 (101), tr. 14-22.
10. Thủ tướng Chính phủ. 2004. Quyết định số 153/2004/QĐ-TTG ngày 17/8/2004 về việc ban hành *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Hà Nội.